

Số: 46/2025/NQ-HĐND

Phú Thọ, ngày 25 tháng 11 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Quy định chính sách hỗ trợ đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Phú Thọ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

Xét Tờ trình số 9349/TTr-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ; Báo cáo thẩm tra của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Phú Thọ theo quy định tại khoản 6 Điều 16 Luật Đất đai số 31/2024/QH15.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cộng đồng dân cư là người dân tộc thiểu số trên địa bàn chưa có đất sinh hoạt cộng đồng theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

2. Cá nhân là người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo sinh sống tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ thuộc đối tượng chưa được giao đất, cho thuê đất hoặc đã được giao đất, cho thuê đất nhưng không còn đất hoặc thiếu đất so với hạn mức được Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

3. Cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh theo Nghị quyết này.

Điều 3. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Việc thực hiện chính sách hỗ trợ đất đai theo thứ tự ưu tiên như sau:

a) Hỗ trợ lần đầu cho các đối tượng đủ điều kiện theo quy định;
b) Hỗ trợ cho các đối tượng đã được Nhà nước giao đất, cho thuê đất nhưng nay không còn đất hoặc thiếu đất so với hạn mức.

c) Hỗ trợ cho các đối tượng thuộc danh sách các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù.

2. Việc bố trí quỹ đất để thực hiện chính sách theo Nghị quyết này căn cứ vào điều kiện quỹ đất của địa phương, hạn mức giao đất của Ủy ban nhân dân tỉnh, phù hợp với phong tục, tập quán, tín ngưỡng, bản sắc văn hóa và quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

3. Đảm bảo công khai, minh bạch, đúng đối tượng; các cá nhân được hỗ trợ phải sử dụng đúng mục đích, đúng quy định của pháp luật.

Điều 4. Chính sách đảm bảo đất sinh hoạt cộng đồng

Ủy ban nhân dân cấp xã bố trí quỹ đất sinh hoạt cộng đồng người dân tộc thiểu số tại nơi chưa có đất sinh hoạt cộng đồng theo quy hoạch được phê duyệt, phù hợp với phong tục, tập quán, tín ngưỡng, bản sắc văn hóa và điều kiện thực tế của từng dân tộc, từng địa phương.

Điều 5. Chính sách hỗ trợ đất đai cho cá nhân

1. Hỗ trợ đất ở

a) Cá nhân không có đất ở thì được hỗ trợ như sau:

Trường hợp không có thửa đất khác trong khu dân cư phù hợp quy hoạch thì được xem xét giao đất ở.

Trường hợp có thửa đất khác trong khu dân cư phù hợp quy hoạch thì cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ loại đất khác (*có nguồn gốc được Nhà nước giao, cho thuê, công nhận hoặc thừa kế, tặng cho, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất*) đang sử dụng hợp pháp sang đất ở trong hạn mức giao đất ở theo quy định.

Trường hợp cá nhân đang chung sống trên thửa đất bao gồm đất ở và đất nông nghiệp, đáp ứng điều kiện tách thửa tối thiểu theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh thì được tách thửa đồng thời được chuyển mục đích từ đất nông nghiệp sang đất ở.

b) Cá nhân đã được Nhà nước giao đất ở nhưng nay không còn đất ở (*do thiên tai, dịch họa, sự kiện bất khả kháng hoặc lý do hợp pháp khác*) thì Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cá nhân cư trú quyết định giao tiếp đất ở trong trường hợp không còn nơi ở khác hoặc cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ loại đất khác đang sử dụng hợp pháp trong cùng thửa đất hoặc thửa đất liền kề sang đất ở trong hạn mức giao đất ở theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Cá nhân đã được Nhà nước giao đất ở nhưng nay thiếu đất ở so với hạn mức theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh thì cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ loại đất khác đang sử dụng hợp pháp trong cùng thửa đất hoặc thửa đất liền kề sang đất ở trong hạn mức giao đất ở theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

d) Các trường hợp quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản này được miễn, giảm tiền sử dụng đất theo quy định hiện hành.

2. Hỗ trợ đất nông nghiệp

a) Cá nhân không có đất nông nghiệp, không còn đất nông nghiệp hoặc diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng không đủ 50% diện tích đất so với hạn mức theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh, có nhu cầu hỗ trợ đất nông nghiệp thì được giao đất nông nghiệp trong hạn mức theo quy định và không thu tiền sử dụng đất.

b) Trường hợp địa phương không còn quỹ đất nông nghiệp thì thực hiện rà soát, thu hồi diện tích do Nhà nước quản lý, đất của các nông, lâm trường sử dụng không hiệu quả theo thẩm quyền để giao đất, cho thuê đất.

3. Hỗ trợ thuê đất phi nông nghiệp không phải đất ở để sản xuất, kinh doanh

a) Cá nhân không còn đất nông nghiệp hoặc diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng không đủ 50% diện tích đất so với hạn mức theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh mà không bố trí được quỹ đất, có nhu cầu thuê đất phi nông nghiệp không phải đất ở để sản xuất, kinh doanh thì được cho thuê đất.

b) Cá nhân không còn đất nông nghiệp hoặc diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng không đủ 50% diện tích đất so với hạn mức theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh mà bố trí được quỹ đất để giao nhưng không có nhu cầu giao đất mà có nhu cầu thuê đất phi nông nghiệp không phải đất ở để sản xuất, kinh doanh thì được cho thuê đất.

c) Các trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản này được miễn, giảm tiền thuê đất theo quy định hiện hành.

Điều 6. Nguồn kinh phí và quỹ đất thực hiện

1. Nguồn kinh phí thực hiện chính sách quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định tại khoản 8 Điều 16 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 và khoản 3 Điều 8 Nghị định 102/2024/NĐ-CP.

2. Quỹ đất thực hiện chính sách quy định tại Nghị quyết này được bố trí từ quỹ đất do cơ quan, tổ chức của Nhà nước quản lý hoặc từ quỹ đất thu hồi theo quy định tại khoản 4 Điều 16 Luật Đất đai số 31/2024/QH15.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

2. Các Nghị quyết sau đây hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành:

a) Nghị quyết số 448/2024/NQ-HĐND ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hòa Bình quy định chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Hòa Bình;

b) Nghị quyết số 15/2024/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ quy định chính sách hỗ trợ đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ Khóa XIX, kỳ họp chuyên đề thứ Tư thông qua ngày 25 tháng 11 năm 2025./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, Chính phủ;
- VPQH, VPCP;
- Các Bộ: Nông nghiệp và Môi trường, Tư pháp, Tài chính;
- Cục KTVB và QLXLVPHC (Bộ Tư pháp);
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBNDTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể ở tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- ĐU, TTHĐND, UBND các xã, phường;
- Trung tâm Thông tin - Công báo;
- Lưu: VT, HĐ^{2,3,9}.

CHỦ TỊCH



Bùi Đức Hình